TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/HS-ST
Ngày: 02/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – QUẢNG NINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà **Vương Thị Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Quýnh** và bà **Nguyễn Thị Hảo**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Hồng Sơn**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Ông **Vũ Hữu Quảng**, kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2026/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Phạm Văn Q; tên gọi khác: không; sinh ngày 08/4/1991 tại xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: thôn H, xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: số nhà E thôn M, xã Q, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông: Phạm Văn G và bà Bùi Thị K; vợ: Nguyễn Thị T (đã ly hôn), con: có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị đầu thú ngày 31/10/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:
- Anh Bùi Văn T1, sinh năm 1997.
Nơi thường trú: thôn Q, xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Anh Đinh Đức A, sinh năm 2000.
Nơi thường trú: thôn Q, xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Anh Nguyễn Tùng T2, sinh năm 1995.

Nơi thường trú: thôn H, xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Anh Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1974.

Nơi thường trú: thôn C, xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Anh Phạm Văn G, sinh năm 1962.

Nơi thường trú: thôn M, xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

** Người chứng kiến*: anh Nguyễn Đình K1, sinh năm 1983.

Nơi thường trú: thôn Q, xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ 25/10/2025 đến 30/10/2025, Phạm Văn Q đã nhiều lần có hành vi bán trái phép chất ma túy cho người nghiện trên địa bàn xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Khi có người hỏi mua ma túy, Q yêu cầu chuyển tiền trước vào tài khoản ngân hàng Thương mại cổ phần Q3 số 0376611868 của Q. Sau đó Q hẹn địa điểm giao ma túy, cụ thể:

Lần 1: ngày 25/10/2025, tại khu vực thôn H, xã Q, Q bán cho Nguyễn Tùng T2, sinh năm 1995, trú tại: thôn H, xã Q 01 túi cần sa với giá 400.000 đồng.

Lần 2: ngày 28/10/2025 tại khu vực bờ đê thôn M, xã Q, Q bán cho Đinh Đức A, sinh năm 2000, trú tại: thôn Q, xã Q, tỉnh Quảng Ninh, 01 túi cần sa với giá 300.000 đồng.

Lần 3: ngày 29/10/2025 tại phòng khách nhà mình, Q tiếp tục bán cho Đinh Đức A 02 túi cần sa với giá 600.000 đồng, lần này Đức A nợ lại Quỳnh 300.000 đồng.

Lần 4: ngày 30/10/2025 tại phòng bếp nhà mình, Q bán cho Bùi Văn T1, sinh năm 1997, trú tại: thôn Q, xã Q 01 túi cần sa giá 300.000 đồng.

Mua được ma tuý, Nguyễn Tùng T2, Đinh Đức A mang về nhà một mình sử dụng hết, không ai biết. Bùi Văn T1 mang ma tuý về nhà một mình sử dụng một ít, số còn lại cất giấu trong người để sử dụng. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 31/10/2025, T1 mang theo ma túy trong người đi bộ ra khu vực thôn Q, xã Q, thì bị Tổ công tác Công an xã Q, kiểm tra, T1 tự lấy trong túi quần bên trái đang mặc 01 túi nilon kích thước (04 x 05)cm bên trong chứa thực vật khô vụn giao cho tổ công tác.

Cùng ngày Phạm Văn Q đến Công an đầu thú. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn Q: thu tại đầu giường trong phòng ngủ của Q 01 túi nilon kích thước

(04 x 05)cm bên trong chứa thực vật khô; 01 túi nilon kích thước (04 x 05)cm bên trong bám dính thực vật khô. Ngoài ra thu giữ 03 điện thoại di động của Nguyễn Tùng T2, Đinh Đức A và Phạm Văn Q.

Kiểm tra điện thoại di động và sao kê tài khoản ngân hàng của Phạm Văn Q, Nguyễn Tùng T2, Đinh Đức A, Bùi Văn T1 có dữ liệu giao dịch chuyển khoản tiền mua bán ma tuý. Cơ quan điều tra đã phong toả số tiền 1.975.000 đồng trong tài khoản ngân hàng Thương mại cổ phần Q3 của Phạm Văn Q.

Tại bản Kết luận giám định số 1670/KL-KTHS ngày 05/11/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh Q thể hiện: vụn thực vật khô (kí hiệu M1) trong túi nilon kích thước (04 x 05)cm thu giữ của Bùi Văn T1 có khối lượng 0,826 gam, tìm thấy chất Delta-9-tetrahydrocanabinol (là một trong các hoạt chất chính có trong cần sa).

Thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn Q: thực vật khô (kí hiệu M2) trong túi nilon kích thước (04 x 05)cm (kí hiệu M2) là ma tuý, loại cần sa khối lượng 0,842 gam; vụn thực vật khô (kí hiệu M3) trong túi nilon kích thước (04 x 05)cm, tìm thấy chất Delta-9-tetrahydrocanabinol, dạng vết không xác định được khối lượng;

Tại bản Kết luận giám định số 1096/KL-KTHS ngày 05/11/2025 của Phòng K2 Công an thành phố H thể hiện: 04 mẫu nước tiểu ghi tên Bùi Văn T1, Nguyễn Tùng T2, Phạm Văn Q, Đinh Đức A gửi giám định đều tìm thấy chất 11-nor-delta 9–tetrahydrocanabinol-9-carboxylic (là sản phẩm chuyển hoá được tìm thấy khi con người sử dụng chất ma tuý cần sa).

Quá trình điều tra Phạm Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, Q khai: nguồn gốc số cần sa nêu trên là giữa tháng 10/2025, qua mạng xã hội Telegram Q2 mua của một người (không rõ lai lịch, địa chỉ) 20 búp cần sa với giá 4.500.000 đồng. Q2 đã bán 10 búp, tự sử dụng một mình 08 búp tại nhà không ai biết, 02 búp bị thu giữ mục đích để bán kiếm lời.

Tại phiên toà, Phạm Văn Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Bị cáo khai do không có việc làm và thu nhập ổn định, cũng như bản thân có nhu cầu sử dụng ma túy cần sa, bị cáo đã mua cần sa trên mạng xã hội Telegram để vừa sử dụng vừa bán kiếm lời. Bị cáo bày tỏ thái độ ăn năn hối hận về hành vi của mình, đồng thời xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các anh Bùi Văn T1, Đinh Đức A và Nguyễn Tùng T2 vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại Cơ quan điều tra và đơn đề nghị xét xử vắng mặt có lời khai như sau:

Ngày 25/10/2025, anh T2 liên lạc qua zalo với Q hỏi mua cần sa về sử dụng, Q đồng ý bán. Tối ngày 25/10/2025, tại đầu ngõ vào nhà T2 tại thôn H, xã Q, T2

đã mua của Q 01 túi cần sa với giá 300.000 đồng và T2 chuyển khoản vào tài khoản tại ngân hàng M do Q cung cấp.

Tối ngày 28/10/2025, Đức A liên lạc qua zalo với Q hỏi mua cần sa, Q đồng ý. Sau đó tại bờ đê thôn M, xã Q, Q đã bán cho Đức A 01 túi ma túy cần sa với giá 300.000 đồng, Đức A chuyển khoản vào tài khoản tại ngân hàng M cho Q. Tối ngày 29/10/2025, Đức A tiếp tục gọi zalo cho Q hỏi mua cần sa, sau đó Đức A đến phòng khách nhà Q nhận ma túy, Q đã bán cho Đức A 02 túi cần sa với giá 300.000 đồng/01 túi, Đức A đã chuyển khoản cho Q 300.000 đồng, còn nợ lại 300.000 đồng.

Chiều ngày 30/10/2025, T1 đến nhà Q hỏi mua 300.000 đồng ma túy cần sa, Q đã bán cho T1 01 túi cần sa sau đó T1 đã chuyển khoản số tiền 300.000 đồng cho Q.

Quá trình điều tra, anh T2 bị thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu trắng gắn 01 sim, anh Đức A bị thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen gắn 01 sim, anh T1 bị thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu đen gắn 01 sim, xác định sử dụng liên lạc mua ma tuý. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T2, Đức A và T1 không có nhu cầu nhận lại các điện thoại nói trên.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn Q1 vắng mặt tại phiên tòa, tại Cơ quan điều tra có lời khai như sau: khoảng 01 giờ 30 phút ngày 31/10/2025, anh tan ca làm trên đường về thì nhìn thấy tại khu vực quán B ở khu Q, xã Q, công an đang tiến hành kiểm tra 01 thanh niên, người này khai tên là T1 nhà ở thôn A, xã Q, T1 tự nguyện lấy trong túi quần 01 túi nilon bên trong chứa thực vật khô T1 khai là ma túy cần sa mua của Phạm Văn Q, mục đích để sử dụng.

Người làm chứng Phạm Văn G vắng mặt tại phiên tòa có lời khai tại Cơ quan điều tra cho biết: Q là con trai ruột của ông, trước khi bị bắt Q ở cùng nhà với ông tại thôn M, xã Q. Tuy nhiên, do Q ở phòng riêng, công việc và sinh hoạt thất thường, ông không biết việc Q cất giấu và bán ma túy tại nhà. Tối ngày 29/10/2025, Q đã bán 02 túi cần sa cho Đức A tại phòng khách của nhà ông, ông không biết việc đó, ngôi nhà đó là tài sản chung của vợ chồng ông, ông chỉ cho Q ở nhờ.

Người chứng kiến Nguyễn Đình K1 vắng mặt tại phiên tòa có lời khai tại Cơ quan điều tra: khoảng 02 giờ ngày 31/10/2025, anh được Công an mời chứng kiến việc lập biên bản kiểm tra một thanh niên tên T1 có hành vi cất giấu ma túy và thu giữ 01 túi cần sa.

Tại Cáo trạng số 20/CT-VKSHH ngày 10/3/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh đã truy tố Phạm Văn Q về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Phạm Văn Q từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2025. Về xử lý vật chứng: đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy toàn bộ mẫu vật ma túy hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 1670/KL-KTHS ngày 05/11/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh Q và 04 thẻ sim lắp trong 04 điện thoại di động thu giữ của bị cáo và T2, Đức A, T1; tịch thu nộp ngân sách nhà nước 04 điện thoại di động bị cáo và T2, Đức A, T1; tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.300.000 đồng của bị cáo Q do phạm tội mà có, được trừ vào số tiền 1.975.000 đồng tại tài khoản số 0376611868 tại Ngân hàng TMCP Q3 - chi nhánh M1 mang tên Phạm Văn Q theo Lệnh phong tỏa tài khoản số C119/LPT-CSMT ngày 24/02/2026 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q.

Bị cáo không có quan điểm tranh luận gì với lời luận tội của Viện kiểm sát, nói lời sau cùng, bị cáo bày tỏ thái độ ăn năn hối cải, đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa cơ bản rõ ràng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến, vật chứng thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: từ ngày 25/10/2025 đến ngày 30/10/2025, tại thôn H và thôn M, xã Q, tỉnh Quảng Ninh, Phạm Văn Q 04 (bốn) lần có hành vi bán trái phép 05 túi ma tuý, loại cần sa cho Nguyễn Tùng T2, Đinh Đức A và Bùi Văn T1 thu được 1.300.000 đồng. Ngoài ra Phạm Văn Q còn có hành vi cất giấu 0,842 gam ma tuý loại cần sa để bán kiếm lời thì bị phát hiện. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách

nhiệm hình sự, có hành vi 04 lần bán trái phép chất ma túy loại cần sa, nhằm thu lợi bất chính. Do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

... b) Phạm tội 02 lần trở lên;".

Hội đồng xét xử thấy, Cáo trạng số 20/CT-VKSHH ngày 10/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh truy tố đối với Phạm Văn Q là đúng người, đúng tội, lời luận tội có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy, chất gây nghiện của Nhà nước. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, tuy nhiên do muốn kiếm tiền không bằng con đường lao động chân chính, bị cáo đã nhiều lần bán trái phép ma túy để kiếm lời bất chính. Do đó cần thiết phải xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về hình phạt đối với bị cáo: qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy, tuy nhiên bị cáo thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng, thể hiện thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện bản thân, muốn kiếm tiền bằng hành vi vi phạm pháp luật, do đó cần thiết cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục thành công dân có ích.

[7] Về vật chứng vụ án: quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã thu giữ:

- 0,826 gam ma túy loại cần sa thu giữ của Bùi Văn T1, sau giám định hoàn lại 0,77 gam và 0,842 gam ma túy loại cần sa thu giữ của Phạm Văn Q, sau giám định hoàn lại 0,78 gam, là chất nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu đen thu giữ của bị cáo Q, 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu trắng thu giữ của T2, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen thu giữ của Đức A, 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu đen thu giữ của T1, đây là các điện thoại bị cáo và T2, Đức A, T1 sử dụng liên lạc mua bán ma túy và chuyển nhận tiền mua bán ma túy, T2, Đức A và T1 không có nhu cầu nhận lại điện thoại, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 04 thẻ sim lắp trong 04 điện thoại di động nêu trên, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 1.300.000 đồng bị cáo Q thu lợi bất chính từ việc bán ma túy, cần buộc bị cáo nộp lại sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 1.975.000 đồng trong tài khoản số 0376611868 tại Ngân hàng TMCP Q3 của Phạm Văn Q, cần tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Q cho đến khi bị cáo thi hành xong các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước trong vụ án này.

[8] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 6 Điều 251 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, xét bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, hiện đang tạm giam nên không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[9] Đối với Nguyễn Tùng T2, Đinh Đức A và Bùi Văn T1, Phạm Văn Q có hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, Bùi Văn T1 có hành vi cất giấu 0,826 gam ma tuý cần sa để sử dụng, nhưng quá trình điều tra không đủ căn cứ khởi tố, xử lý theo Điều 249, Điều 255 và Điều 256a Bộ luật Hình sự, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính theo quy định của pháp luật.

Đối với người bán ma túy cho Phạm Văn Q, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ của người bán, nên không có căn cứ làm rõ, xử lý.

Đối với ông Phạm Văn G (bố đẻ của Phạm Văn Q) là chủ sở hữu ngôi nhà mà Q dùng cất giấu, mua bán và sử dụng ma tuý nhưng ông G không biết hành vi phạm tội của Q nên không đề cập xử lý.

[10] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo **Phạm Văn Q** phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

2. Về hình phạt: áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Phạm Văn Q 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2025.

3. Về xử lý vật chứng: căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 1,55 (một phẩy năm năm) gam ma túy loại cần sa và vỏ mẫu vật hoàn lại sau giám định đựng trong 01 phong bì niêm phong số 1670/KL-KTHS ngày 05/11/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh Q.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu đen thu giữ của bị cáo Q, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu trắng thu giữ của T2, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen thu giữ của Đức A, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu đen thu giữ của T1.

- Tịch thu tiêu hủy 04 (bốn) thẻ sim gắn trong 04 (bốn) điện thoại di động thu giữ của Q, T2, Đức A và T1.

(Các vật chứng nêu trên tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 91/2026/BB-THADSKV6 ngày 18 tháng 3 năm 2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Thi hành án dân sự khu vực 6 – Quảng Ninh).

- Tịch thu số tiền 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) của bị cáo Q nộp vào ngân sách nhà nước.

Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số C119/LPT-CSMT ngày 24/02/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đối với số tiền 1.975.000đ (một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) trong tài khoản số 0376611868 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q3 – chi nhánh M1 (M2) của Phạm Văn Q cho đến khi Phạm Văn Q thi hành xong nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước trong vụ án này.

4. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về chế độ thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý án phí, lệ phí Toà án: bị cáo Phạm Văn Q phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1, khoản 3 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi và

nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 6 - Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Quảng Ninh (PV06);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh (PC10);
- Phòng THADS khu vực 6- Quảng Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Thanh